

Mẫu 05_CBT/SGDHN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDHN ngày / / 2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG SÔNG HỒNG**

Số: 224/CT-TCHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2026

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ theo Giấy xác nhận của Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp ngày 17/8/2026, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty chúng tôi như sau:

- Tên tổ chức : Công ty cổ phần Xây dựng Sông Hồng
- Mã Chứng khoán : ICG
- Địa chỉ : Số 164 Lò Đúc, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ : 024.39727297 Fax: 024.39727295
- E-mail :
- Website : incomex.com.vn

1. Thông tin trước khi thay đổi: Nội dung đăng ký doanh nghiệp
2. Thông tin sau khi thay đổi: Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh
3. Lý do thay đổi: Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định hiện hành và hoạt động của Công ty..
4. Ngày có hiệu lực: 17/8/2026. Ngày 18/8/2026 Công ty mới nhận được Giấy xác nhận (Bản chính dấu đỏ- Chữ ký số) gửi qua Email.

*Tài liệu đính kèm:

-Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

-Nghị quyết số: 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14/8/2026



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Quỳnh Trang

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2026

Số:



GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP: Thành phố Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: Khu liên cơ Vân Hồ - 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 38248989 máy lẻ 191 Số Fax:

Thư điện tử: pdkkdtcdn_sotc@hanoi.gov.vn

Website: www.sotaichinh.hanoi.gov.vn

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG

Mã số doanh nghiệp: 0100107042

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế kiến trúc tổng mặt bằng nội, ngoại thất: đối với công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế quy hoạch chung; quy hoạch tổng thể, chi tiết đối với khu đô thị, khu dân cư; - Thiết kế san nền hệ thống thoát nước, đường nội bộ vào khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp; - Thiết kế quy hoạch điện đô thị, nông thôn, xí nghiệp; - Thiết kế cấp điện, chống sét đối với công trình xây dựng, dân dụng, công nghiệp; - Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng dân dụng công nghiệp; - Khảo sát địa chất công trình xây dựng; - Tư vấn thẩm tra, thẩm định, quy hoạch dự án đầu tư, kỹ thuật, bản vẽ thi công và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng đô thị và nội, ngoại thất (trong phạm vi chứng chỉ đã đăng ký); - Kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm xây dựng; - Tư vấn, thẩm tra, thẩm định, quy hoạch dự án đầu tư, kỹ thuật, bản vẽ thi công và tổng dự toán các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng đô thị và nội, ngoại thất (trong phạm vi chứng chỉ đã đăng ký kinh doanh);	7110(Chính)
2	Phá dỡ	4311
3	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
4	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
5	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng.	4933
6	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng.	4932
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Môi giới, đấu giá bất động sản (không bao gồm dịch vụ tư vấn giá đất);	6810
8	Cho thuê xe có động cơ	7710
9	Khai thác quặng sắt	0710
10	Khai thác và thu gom than cứng	0510
11	Khai thác và thu gom than non	0520
12	Khai thác dầu thô	0610
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
14	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
16	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729
17	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ vàng)	0730
18	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810

STT	Tên ngành	Mã ngành
19	Khai thác và thu gom than bùn	0892
20	Khai thác muối	0893
21	Xây dựng nhà để ở	4101
22	Xây dựng nhà không để ở	4102
23	Xây dựng công trình đường sắt	4211
24	Xây dựng công trình đường bộ	4212
25	Xây dựng công trình điện (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4221
26	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
27	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
28	Xây dựng công trình công ích khác	4229
29	Xây dựng công trình thủy (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4291
30	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
31	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
32	Chuẩn bị mặt bằng (trừ dịch vụ nổ mìn)	4312
33	Lắp đặt hệ thống điện	4321
34	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
35	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
36	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
37	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
38	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ đấu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4620
39	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ (trừ đấu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4631
40	Bán buôn thực phẩm (trừ đấu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4632
41	Bán buôn đồ uống (trừ đấu giá)	4633
42	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (trừ đấu giá)	4641
43	Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình, văn phòng, cửa hàng; thảm, đệm và thiết bị chiếu sáng (trừ đấu giá)	4642

STT	Tên ngành	Mã ngành
44	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ thuốc , đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4649
45	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4652
46	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4659
47	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4661
48	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4662
49	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4663
50	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu, trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4672
51	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ đầu giá)	4673
52	Bán buôn tổng hợp (trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4690
53	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4711
54	Bán lẻ lương thực (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4721
55	Bán lẻ thực phẩm (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4722
56	Bán lẻ đồ uống	4723
57	Bán lẻ nhiên liệu động cơ	4730
58	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông (trừ nội dung kinh doanh liên quan trò chơi điện tử và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4740

STT	Tên ngành	Mã ngành
59	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác	4751
60	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752
61	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753
62	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4759
63	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4761
64	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4762
65	Bán lẻ sản phẩm văn hóa, giải trí khác chưa phân vào đâu (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4769
66	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da	4771
67	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt Điều 5 nghị định Số: 158/2024/NĐ-CP /NĐ-CP	4922
68	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Điều 6 nghị định Số: 158/2024/NĐ-CP /NĐ-CP	4931
69	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
70	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
71	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
72	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
73	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
74	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
75	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ lưu trú	5530
76	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
77	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
78	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ ăn uống	5640
79	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

STT	Tên ngành	Mã ngành
80	Đại lý lữ hành (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	7911
81	Điều hành tua du lịch (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	7912
82	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
83	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
84	Dịch vụ vệ sinh khác	8129
85	Dịch vụ cảnh quan	8130
86	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh xuất, nhập khẩu hàng hóa(trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	8299
87	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
88	Giáo dục văn hóa nghệ thuật	8552
89	Hoạt động sáng tạo nghệ thuật thị giác	9012
90	Hoạt động sáng tạo nghệ thuật khác	9019
91	Hoạt động biểu diễn nghệ thuật	9020
92	Hoạt động của cơ sở và địa điểm nghệ thuật	9031
93	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
94	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
95	Hoạt động thể thao khác	9319
96	Hoạt động hỗ trợ khác cho sáng tạo nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật	9039
97	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
98	Hoạt động vui chơi giải trí khác	9329
99	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	3319
100	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4679
101	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Điều 61 Luật Kinh doanh bất động sản 2023	6821
102	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản Điều 67 Luật Kinh doanh bất động sản 2023	6829

Thông tin đăng kí thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): PHẠM QUỲNH TRANG Điện thoại: 0904349525
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: LƯƠNG THỊ ÁNH PHƯƠNG Điện thoại: 0976428686
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số 164 Lò Đúc, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: 024.39727297 Fax: 024.39727295 Email: mail@incomex.com.vn
4	Hình thức hạch toán: <i>Hạch toán độc lập</i>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 27
7	Phương pháp tính thuế GTGT: <i>Khấu trừ</i>

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
SÔNG HỒNG. Địa chỉ: Số 164 Lò Đúc,
Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

-.....;

- Lưu: Bùi Thị Phương.....

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trịnh Huy Tâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG SÔNG HỒNG**

Số: 02/NQ-ĐHĐCĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua nội dung thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 số 02/BB-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc thay đổi, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau :

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1.	Khai thác và thu gom than cứng	0510	
2.	Khai thác và thu gom than non	0520	
3.	Khai thác dầu thô	0610	
4.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620	
5.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729	
6.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ vàng)	0730	
7.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810	
8.	Khai thác và thu gom than bùn	0892	
9.	Khai thác muối	0893	
10.	Xây dựng nhà ở	4101	

11.	Xây dựng nhà không để ở	4102	
12.	Xây dựng công trình đường sắt	4211	
13.	Xây dựng công trình đường bộ	4212	
14.	Xây dựng công trình điện (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4221	
15.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222	
16.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223	
17.	Xây dựng công trình công ích khác	4229	
18.	Xây dựng công trình thủy (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4291	
19.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292	
20.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293	
21.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ dịch vụ nổ mìn)	4312	
22.	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
23.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322	
24.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329	
25.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
26.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390	
27.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ đấu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4620	
28.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ ((trừ đấu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4631	
29.	Bán buôn thực phẩm (trừ đấu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4632	
30.	Bán buôn đồ uống (trừ đấu giá)	4633	
31.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (trừ đấu giá)	4641	

32.	Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình, văn phòng, cửa hàng; thảm, đệm và thiết bị chiếu sáng (trừ đầu giá)	4642	
33.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ thuốc , đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4649	
34.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4652	
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4659	
36.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4661	
37.	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá)	4662	
38.	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá)	4663	
39.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu, trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4672	
40.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ đầu giá)	4673	
41.	Bán buôn tổng hợp (trừ đầu giá và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4690	
42.	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4711	
43.	Bán lẻ lương thực (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4721	
44.	Bán lẻ thực phẩm (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4722	

45.	Bán lẻ đồ uống	4723	
46.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ	4730	
47.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông (trừ nội dung kinh doanh liên quan trò chơi điện tử và trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4740	
48.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác	4751	
49.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752	
50.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn	4753	
51.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu(trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4759	
52.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4761	
53.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4762	
54.	Bán lẻ sản phẩm văn hóa, giải trí khác chưa phân vào đâu (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4769	
55.	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da	4771	
56.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt Điều 5 nghị định Số: 158/2024/NĐ-CP /NĐ-CP	4922	
57.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Điều 6 nghị định Số: 158/2024/NĐ-CP /NĐ-CP	4931	

58.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021	
59.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022	
60.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225	
62.	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510	
63.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520	
64.	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ lưu trú	5530	
65.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621	
66.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630	
67.	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ ăn uống	5640	
68.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721	
69.	Đại lý lữ hành(trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	7911	
70.	Điều hành tua du lịch(trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	7912	
71.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110	
72.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121	
73.	Dịch vụ vệ sinh khác	8129	
74.	Dịch vụ cảnh quan	8130	
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh xuất, nhập khẩu hàng hóa(trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	8299	
76.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551	
77.	Giáo dục văn hóa nghệ thuật	8552	
78.	Hoạt động sáng tạo nghệ thuật thị giác	9012	
79.	Hoạt động sáng tạo nghệ thuật khác	9019	
80.	Hoạt động biểu diễn nghệ thuật	9020	
81.	Hoạt động của cơ sở và địa điểm nghệ thuật	9031	
82.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311	
83.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312	
84.	Hoạt động thể thao khác	9319	

85.	Hoạt động hỗ trợ khác cho sáng tạo nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật	9039	
86.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321	
87.	Hoạt động vui chơi giải trí khác	9329	
88.	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	3319	
89.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ thực hiện các hoạt động thuộc danh mục A Phụ lục I Nghị định 96/2026/NĐ-CP ngày 31/03/2026-ngành nghề chưa được tiếp cận đối với Nhà đầu tư nước ngoài)	4679	
90.	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Điều 61 Luật Kinh doanh bất động sản 2023	6821	
91.	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản Điều 67 Luật Kinh doanh bất động sản 2023	6829	

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, cung cấp phụ tùng thay thế máy móc, thiết bị phục vụ ngành công, nông nghiệp, giao thông, vận tải, khai thác mỏ, cơ khí, thủy lợi, thủy điện, tự động hóa;	3319	
2.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh thiết bị dân dụng, công nghiệp, y tế, nguyên liệu, than, chất đốt; - Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm gốm, sứ, vật liệu xây dựng, sắt, thép; - Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại hàng hóa, thiết bị vật tư, vật liệu xây dựng, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, nông, lâm sản, thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát có cồn và gas;	4669	

3.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820	
	Chi tiết: Quản lý bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Tư vấn bất động sản; Định giá bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)		

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1.	Khai thác quặng sắt	0710	
2.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	
3.	Phá dỡ	4311	
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221	
5.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	
6.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619	
7.	Cho thuê xe có động cơ	7710	

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ủy quyền cho HĐQT và Tổng Giám đốc triển khai thực hiện đúng theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Hùng